TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/KDTM - ST
Ngày 28 - 4 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Mâu
Bà Hoàng Thị Thoan

Ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kiều Oanh – Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 10/2024/TLST- KDTM ngày 01 tháng 8 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 51/2025/QĐ – ST ngày 28 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần C
Địa chỉ: Số A, đường T, quận H, thành phố Hà Nội.
Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B – Tổng Giám đốc; vắng mặt
Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung T – Phó Trưởng phòng tổng hợp Ngân hàng thương mại cổ phần C, Chi nhánh tỉnh Q (Văn bản ủy quyền số 015/UQ – HĐQT – NHCT – PCTT3 ngày 05/01/2024).
Địa chỉ: Số E, đường L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt
- *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn S
Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị T1 – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc; vắng mặt.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án:* Ông Nguyễn Văn Thanh T2, sinh năm 1979; bà Đinh Thị Ngọc H, sinh năm 1981
Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai và tại phiên toà Ngân hàng thương mại cổ phần C *(viết tắt là Ngân hàng) trình bày:* Ngày 17 tháng 5 năm 2023 Công ty trách nhiệm hữu hạn S do bà Nguyễn Thị T1 làm Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc (viết tắt là bị đơn) ký hợp đồng tín dụng số 808005688312/2023 – HĐCVHM với Ngân hàng để vay 1.400.000.000 đồng *(Một tỷ, bốn trăm triệu đồng)*; hạn mức tín dụng kể từ ngày 17/5/2023 đến hết ngày 15/5/2024, lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nợ; thời gian cho vay của từng khoản nợ được chi trên giấy nhận nợ, nhưng tối đa không quá 06 tháng. Tổng số tiền đã giải ngân là 1.400.000.000 đồng *(Một tỷ, bốn trăm triệu đồng)*. Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng ông Nguyễn Văn Thanh T2 và bà Đinh Thị Ngọc H đã ký kết hợp đồng thế chấp của bên thứ ba số CR418088/HĐBĐ/NHcT470 ngày 09/11/2021 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (viết tắt GCNQSĐ) số CR 418088 ngày 30/8/2019 mang tên ông T2, bà H tại thửa đất số 82, tờ bản đồ số 17 xã V, huyện Q; diện tích 209,9m^2 đất.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó Ngân hàng yêu cầu bị đơn trả nợ tính đến ngày 28/4/2025 số tiền 1.582.019.196 đồng *(Một tỷ, năm trăm tám mươi hai triệu, không trăm mươi chín nghìn, một trăm chín mươi sáu đồng).* Trong đó, nợ gốc 1.400.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 169.936.986 đồng; nợ lãi quá hạn 12.082.210 đồng. Trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ nêu trên thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Công ty trách nhiệm hữu hạn S *do bà* Nguyễn Thị T1 *làm Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc công ty đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt:* Kết quả xác minh Công ty trách nhiệm hữu hạn S không còn hoạt động, bà Nguyễn Thị T1 đã xuất cảnh đi nước ngoài từ ngày 21/11/2023 cho đến nay chưa nhập cảnh về Việt Nam.

Tại Bản tự khai ngày 05/6/2024 ông Nguyễn Văn Thanh T2*, bà* Đinh Thị Ngọc H *là người có nghĩa vụ liên quan vụ án trình bày:* Do tin tưởng Công ty S nên vợ chồng ông bà có ký kết hợp đồng thế chấp số CR 418088/2021/HĐBĐ/NHCT470 ngày 09/11/2021 để thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 82, tờ bản đồ số 17 xã V, huyện Q; diện tích 209,9m^2 đất để bảo lãnh cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S do bà Nguyễn Thị T1 làm Chủ tịch hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh tỉnh Q.

Tại phiên tòa Ngân hàng vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ tính đến ngày 28/4/2025 số tiền 1.582.019.196 đồng. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án vắng mặt. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án đương sự và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng, buộc bị đơn trả cho Ngân hàng tính đến ngày 28/4/2025 số tiền 1.582.019.196 đồng. Trong đó, nợ gốc 1.400.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 169.936.986 đồng; nợ lãi quá hạn 12.082.210 đồng; duy trì các tài sản đã thế chấp để trả nợ. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng; Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận, ý kiến của đương sự, của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết năm 2023. Tại Công văn số 1942/CV - QLXNC ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Phòng Q Công an tỉnh Q thì Nguyễn Thị T1 - Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn S đã xuất cảnh ra nước ngoài từ ngày 21/11/2023 đến nay chưa nhập cảnh về Việt Nam. Theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[2] Tại phiên toà vắng mặt ông Nguyễn Văn Thanh T2, bà Đinh Thị Ngọc H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án nhưng đã có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt; bà Nguyễn Thị T1 - Chủ tịch hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn S đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; Toà án đã thực hiện gửi các văn bản tố tụng qua người thân, thông báo lên Cổng thông tin điện tử của Toà án và qua kênh đối ngoại VOV5 Đ nhưng không có kết quả hồi âm của bà T1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 474 và điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Theo các tài liệu do Ngân hàng G đã được kiểm tra tại phiên toà thì năm 2023 bị đơn đã ký kết hợp đồng tín dụng số 808005688312/2023 – HĐCVHM với Ngân hàng để vay 1.400.000.000 đồng *(Một tỷ, bốn trăm triệu đồng)*; hạn mức tín dụng kể từ ngày 17/5/2023 đến hết ngày 15/5/2024, lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nợ; thời gian cho vay của từng khoản nợ được chi trên giấy nhận nợ, nhưng tối đa không quá 06 tháng. Tổng số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn là 1.400.000.000 đồng *(Một tỷ, bốn trăm triệu đồng)*.

[4] Việc Ngân hàng và bị đơn ký kết hợp đồng tín dụng ngày 17/5/2023 hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ hợp đồng tín dụng đã ký kết, giấy nhận nợ và lãi suất các bên thỏa thuận đảm bảo đúng quy định, do đó cần áp

dụng các Điều 117, 119, 463, 465, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 để chấp nhận việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 28/4/2025, tổng số tiền 1.582.019.196 đồng; trong đó, nợ gốc 1.400.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 169.936.986 đồng; nợ lãi quá hạn 12.082.210 đồng.

[5] Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng của bị đơn ông Nguyễn Văn Thanh T2 và bà Đinh Thị Ngọc H đã ký kết hợp đồng thế chấp của bên thứ ba số CR418088/HĐBĐ/NHcT470 ngày 09/11/2021 là quyền sử dụng đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp GCNQSĐ số CR 418088 ngày 30/8/2019 mang tên ông T2, bà H tại thửa đất số 82, Tờ bản đồ số 17 xã V, huyện Q; diện tích 209,9m^2 đất. Hội đồng xét xử thấy ông T2, bà H ký kết hợp đồng thế chấp với Ngân hàng để bị đơn vay vốn là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định. Ngày 26/02/2025 Tòa án đã thành lập Hội đồng thẩm định tại chỗ, xác định thửa đất ông T2, bà H ký kết hợp đồng thế chấp với Ngân hàng để bị đơn vay vốn là đất sạch, không có tranh chấp. Do đó cần áp dụng Điều 117, 119, 317, 318, 335, 336 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp này để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.

[6] Quá trình thu thập chứng cứ chi phí tố tụng hết 6.000.000 đồng, căn cứ khoản 1 Điều 157 và khoản 3 Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng này, do Ngân hàng đã nộp đủ chi phí này nên buộc bị đơn trả lại số tiền này cho Ngân hàng.

[7] Ngân hàng khởi kiện được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu 59.460.000 đồng (36.000.000 đồng + 3% giá trị vượt quá 800.000.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Ngân hàng và ông Nguyễn Văn Thanh T2, bà Đinh Thị Ngọc H có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 3 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng các Điều 117, 119, 317, 318, 335, 336, 463, 465, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần C về việc buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn S do bà Nguyễn Thị T1 làm Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc trả nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn tại hợp đồng tín dụng đã ký kết số 808005688312/2023 – HĐCVHM ngày 17/5/2023 và được ghi trên từng giấy nhận nợ.

2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn S do bà Nguyễn Thị T1 làm Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần C, tính đến ngày 28/4/2025 phải trả số tiền 1.582.019.196 đồng *(Một tỷ, năm trăm tám mươi hai triệu, không trăm mươi chín nghìn, một trăm chín mươi sáu đồng).* Trong đó, nợ gốc 1.400.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 169.936.986 đồng; nợ lãi quá hạn 12.082.210 đồng.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (28/4/2025) cho đến khi thi hành án xong nợ gốc, Công ty trách nhiệm hữu hạn S còn phải chịu thêm khoản tiền lãi, theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết số số 808005688312/2023 – HĐCVHM ngày 17/5/2023, giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn S và Ngân hàng thương mại cổ phần C – Chi nhánh tỉnh Q.

4. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số CR418088/HĐBĐ/NHcT470 ngày 09/11/2021 đã ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần C – Chi nhánh tỉnh Q và ông Nguyễn Văn Thanh T2, bà Đinh Thị Ngọc H để đảm bảo việc trả nợ.

5. Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn S không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần C tự mình hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản tại hợp đồng thế chấp số CR418088/HĐBĐ/NHcT470 ngày 09/11/2021 là quyền sử dụng đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp GCNQSĐ số CR 418088 ngày 30/8/2019 mang tên ông T2, bà H tại thửa đất số 82, tờ bản đồ số 17 xã V, huyện Q; diện tích 209,9m^2 đất để thu hồi nợ.

6. Công ty trách nhiệm hữu hạn S phải chịu 6.000.000 đồng chí phí tố tụng; do Ngân hàng thương mại cổ phần C đã nộp đủ nên buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn S có nghĩa vụ trả lại 6.000.000 đồng chí phí tố tụng cho Ngân hàng thương mại cổ phần C.

7. Công ty trách nhiệm hữu hạn S phải chịu 59.460.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng thương mại cổ phần C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 27.417.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (ông T3 nộp thay) tại Biên lai số 0001208 ngày 26/4/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho Ngân hàng thương mại cổ phần C có mặt tại phiên toà biết, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/4/2025. Ông Nguyễn Văn Thanh T2 và bà Đinh Thị Ngọc H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định. Công ty trách nhiệm hữu hạn S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-TANDCC tại Đà Nẵng;;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- CCTHADS TP Đồng Hới;
- CTHADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa